HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /2026/NQ-HĐND	*Đồng Nai, ngày tháng năm 2026*

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
Quy định số lượng và mức hỗ trợ hằng tháng đối với nhân viên y tế thôn, tổ dân phố và cô đỡ thôn, bản trên địa bàn thành phố Đồng Nai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 185/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Nghị định số 192/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định một số chế độ phụ cấp đặc thù trong lĩnh vực y tế; hỗ trợ hằng tháng đối với nhân viên y tế thôn, tổ dân phố và cô đỡ thôn, bản;

Xét Tờ trình số ……./TTr-UBND ngày .... tháng .... năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố về dự thảo Nghị quyết quy định số lượng và mức hỗ trợ hằng tháng đối với nhân viên y tế thôn, tổ dân phố và cô đỡ thôn, bản trên địa bàn thành phố Đồng Nai; Báo cáo thẩm tra số ……./BC-BVHXH ngày ..... tháng .... năm 2026 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định số lượng và mức hỗ trợ hằng tháng đối với nhân viên y tế thôn, tổ dân phố và cô đỡ thôn, bản trên địa bàn thành phố Đồng Nai.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định số lượng và mức hỗ trợ hằng tháng đối với nhân viên y tế thôn, tổ dân phố và cô đỡ thôn, bản trên địa bàn thành phố Đồng Nai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Nhân viên y tế thôn, tổ dân phố và cô đỡ thôn, bản trên địa bàn thành phố Đồng Nai.

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện chế độ chính sách.

Điều 3. Số lượng và mức hỗ trợ hằng tháng đối với nhân viên y tế thôn, tổ dân phố và cô đỡ thôn, bản

1. Đối với thôn có từ 700 hộ gia đình trở lên, tổ dân phố có từ 1000 hộ gia đình trở lên, bố trí 02 nhân viên y tế thôn, tổ dân phố.

2. Đối với các thôn, tổ dân phố còn lại, bố trí 01 nhân viên y tế thôn, tổ dân phố.

3. Mỗi thôn ở các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã đặc biệt khó khăn được bố trí 01 cô đỡ thôn, bản làm công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em tại thôn.

4. Mức hỗ trợ hằng tháng đối với nhân viên y tế thôn, tổ dân phố và cô đỡ thôn, bản

a) Mức 0,7 lần áp dụng đối với nhân viên y tế thôn, tổ dân phố và cô đỡ thôn, bản làm việc tại các thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên; các thôn, bản tại các xã vùng khó khăn theo quy định của Chính phủ; các tổ dân phố có từ 500 hộ gia đình trở lên;

b) Mức 0,5 lần áp dụng đối với nhân viên y tế thôn, tổ dân phố và cô đỡ thôn, bản làm việc tại thôn, bản, tổ dân phố còn lại.

c) Trường hợp nhân viên y tế thôn, tổ dân phố kiêm cô đỡ thôn, bản được hưởng thù lao hằng tháng đối với nhiệm vụ kiêm nhiệm theo thỏa thuận trong hợp đồng ký kết giữa các bên, mức thù lao kiêm nhiệm không vượt quá mức thù lao hằng tháng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 4 Điều này.

Điều 4. Kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện do ngân sách địa phương đảm bảo theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, được cân đối trong dự toán ngân sách giao hằng năm cho các xã, phường thuộc thành phố Đồng Nai.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân thành phố có trách nhiệm thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả thực hiện cho Hội đồng nhân dân thành phố theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân nhân thành phố, các Ban Hội đồng nhân nhân thành phố, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân nhân thành phố và các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố có trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết này theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các tổ chức thành viên vận động các tổ chức, nhân dân cùng giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 6. **Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2026.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân thành phố Đồng Nai khóa ...., Kỳ họp thứ ..... thông qua ngày tháng năm 2026.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế các Bộ: Y tế, Tài chính, Nội vụ;
- Bộ Tư pháp;
- Cục KTVB và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố;
- Thường trực HĐND thành phố;
- UBND thành phố; Ủy ban MTTQVN thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- Các sở, ban, ngành;
- Văn phòng: Thành ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND thành phố;
- Đảng ủy, TT. HĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Đồng Nai;
- Công báo điện tử thành phố;
- Lưu: VT, PCTHĐND.

CHỦ TỊCH